**140 câu hỏi đáp pháp luật**

*Luật Thi đua khen thưởng năm 2022*

**1. Đề nghị cho biết danh hiệu thi đua khác với hình thức khen thưởng như thế nào?**

Theo khoản 2 và 3 Điều 3 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022, thì:

- Danh hiệu thi đua là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong thi đua.

Theo Điều 6 Luật Thi đua khen thưởng năm về danh hiệu thi đua gồm có:

- Danh hiệu thi đua đối với cá nhân.

- Danh hiệu thi đua đối với tập thể.

- Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

- Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hình thức khen thưởng được quy định tại Điều 9 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, bao gồm:

- Huân chương.

- Huy chương.

- Danh hiệu vinh dự nhà nước.

- “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

- Kỷ niệm chương.

- Bằng khen.

- Giấy khen.

**2. Đề nghị cho biết mục tiêu của công tác thi đua khen thưởng là gì?**

Điều 4 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định mục tiêu của thi đua, khen thưởng như sau:

- Mục tiêu của thi đua là nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, hộ gia đình phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**3. Trong Hội nghị phát động phong trào thi đua và tổ chức đăng ký danh hiệu thi đua đầu năm, ông A là lãnh đạo cơ quan đã nhấn mạnh để công tác thi đua, khen thưởng đi vào thực chất, thì cần tuân theo nguyên tắc “thành tích đến đâu, khen đến đó”. Đặc biệt, cần phải** **đề cao tính kịp thời của hình thức khen thưởng theo công trạng, thành tích của từng người, cần khắc phục tình trạng khen thưởng “tích lũy thành tích, cộng dồn thành tích”…**

**Xin hỏi ý kiến của ông A đúng hay sai?**

Ý kiến của ông A là đúng vì Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 đã bổ sung nguyên tắc “thành tích đến đâu khen thưởng đến đó” tại điểm c khoản 2 Điều 5. Đồng thời, nội dung này được thể hiện trong các điều, khoản của từng hình thức khen thưởng được quy định trong Luật về tiêu chuẩn, thành tích đạt được và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Về nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thể hiện ở Điều 5 Luật thi đua, khen thưởng năm 2022 như sau:

- Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

+ Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch;

+ Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

- Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

+ Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời;

+ Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được;

+ Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;

+ Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

**4. Đề nghị cho biết việc xét tặng các danh hiệu thi đua được dựa trên căn cứ nào?**

Theo Điều 7 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, việc xét tặng danh hiệu thi đua dựa trên các căn cứ:

- Phong trào thi đua.

- Thành tích thi đua.

- Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

**5. Sau khi tan làm, anh Nguyễn Văn B đã đi xe máy về nhà. Khi đi đường, anh thấy 02 em nhỏ 5 và 8 tuổi bị ngã xuống nước sâu ở con sông gần đường đi. Anh B đã dũng cảm nhảy xuống sông cứu 2 em và đưa lên bờ hô hấp nhân tạo, sơ cứu kịp thời. Đồng thời, anh B đã nhanh nhẹn gọi một số người đến ứng phó, đưa 2 em đến bệnh viện cấp cứu. Hành động của anh B đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng bằng khen vì đã có hành động dũng cảm cứu người. Xin hỏi việc khen thưởng này là hình thức khen thưởng nào?**

Thành tích của anh B được khen thưởng đột xuất theoĐiều 8 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 về các loại hình khen thưởng như sau:

- Khen thưởng công trạng là khen thưởng cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khen thưởng đột xuất là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

- Khen thưởng phong trào thi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

- Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

- Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có quá trình công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

**6.** **Đề nghị cho biết căn cứ để xét khen thưởng?**

Theo Điều 10 Luật Thi đua khen thưởng, việc xét khen thưởng dựa trên các căn cứ sau đây:

- Thành tích đạt được.

- Tiêu chuẩn khen thưởng.

- Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

**7. Vào dịp cuối năm, do ngân sách từ huyện chưa cấp phát xuống kịp thời nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đã chỉ đạo chị H là công chức phụ trách công tác thi đua khen thưởng của xã sử dụng kinh phí còn thừa từ Quỹ thi đua khen thưởng của xã sử dụng vào việc tổ chức Hội nghị tổng kết năm của cơ quan. Hỏi, ý kiến chỉ đạo này có đúng không?**

Chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B là sai, vì theo Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng quy định về Quỹ thi đua, khen thưởng như sau:

- Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

- Bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị lập quỹ thi đua, khen thưởng để chi tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

**8. Thế nào là hiện vật khen thưởng?**

Theo quy định của Điều 12 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 về hiện vật khen thưởng như sau:

- Hiện vật khen thưởng là sản phẩm đặc biệt, được Nhà nước bảo hộ để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân khi được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, gồm huân chương, huy chương; huy hiệu của danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; kỷ niệm chương; bằng, cờ, giấy khen của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

- Chính phủ quy định chi tiết mẫu, màu sắc, số sao, số vạch cho từng loại, hạng huân chương, huy chương, huy hiệu của danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, kỷ niệm chương; chất liệu, kích thước khung các loại huân chương, huy chương, bằng, cờ, giấy khen của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

**9. Nhiều ý kiến cho rằng để công tác thi đua, khen thưởng đi vào thực chất; cần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác này. Vậy xin hỏi, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng được quy định như thế nào?**

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng được quy định tại Điều 13 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa về quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quy định nêu trên và có trách nhiệm sau đây:

+ Tuyên truyền, vận động, động viên các đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;

+ Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua;

+ Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Cơ quan báo chí có trách nhiệm thực hiện quy định chung nêu trên và thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tích cực tham gia phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc; phổ biến, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, góp phần cổ vũ, khích lệ phong trào thi đua. Công tác tuyên truyền phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm sau đây:

+ Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

+ Tham mưu phát động phong trào thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua;

+ Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng;

+ Tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua.

**10. Trung úy Phạm Văn M công tác tại cơ quan công an tỉnh N đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Liên hợp quốc về phòng chống ma túy và tội phạm triệt phá đường dây mua bán người xuyên quốc gia, trong đó Việt Nam là một mắt xích quan trọng. Sau đó, Văn phòng Liên hợp quốc có đề xuất khen thưởng trung úy M. Hỏi việc trung úy M nhận khen thưởng của tổ chức nước ngoài có phải tuân theo quy định gì không?**

Trách nhiệm của anh M khi nhận được hình thức khen thưởng của Văn phòng Liên hợp quốc được quy định tại Điều 14 Luật Thi đua, khen thưởng như sau:

Cá nhân, tổ chức Việt Nam khi nhận hình thức khen thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**11. Đề nghị cho biết, những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật thi đua khen thưởng?**

Hành vi của chị G bị nghiêm cấm trong pháp luật thi đua, khen thưởng. Theo Điều 15 Luật Thi đua, khen thưởng quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng bao gồm:

- Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

- Cản trở, nhũng nhiễu, tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng.

- Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trái pháp luật.

- Sử dụng hiện vật khen thưởng trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, tác động xấu đến xã hội.

- Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trái quy định của pháp luật.

**11. Đề nghị cho biết, hình thức, phạm vi tổ chức thi đua được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng quy định về hình thức, phạm vi tổ chức thi đua như sau:

- Hình thức tổ chức thi đua gồm:

+ Thi đua thường xuyên;

+ Thi đua theo chuyên đề.

- Phạm vi tổ chức thi đua gồm:

+ Toàn quốc;

+ Bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương;

+ Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức;

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**13.** **Xin hỏi nội dung tổ chức thi đua được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 về nội dung tổ chức phong trào thi đua như sau:

- Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua.

- Phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua.

- Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua.

- Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

- Sơ kết, tổng kết và khen thưởng.

**14. Pháp luật quy định về thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua như thế nào?**

Về thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua được quy định tại Điều 18 Luật Thi đua, khen thưởng như sau:

- Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn quốc.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu ban, ngành phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi ngành và lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

**15. Xin hỏi một cá nhân có thể đăng ký những danh hiệu thi đua nào?**

Theo quy định tại Điều 19 Luật Thi đua, khen thưởng, một cá nhân có thể đăng ký các danh hiệu thi đua sau đây:

- “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

- Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh.

- “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

**16.** **Đề nghị cho biết các danh hiệu thi đua áp dụng đối với tập thể, hộ gia đình?**

Theo Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, danh hiệu thi đua đối với tập thể, hộ gia đình bao gồm:

- Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

+ “Cờ thi đua của Chính phủ”;

+ Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

+ “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;

+ “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;

+ Xã, phường, thị trấn tiêu biểu;

+ Thôn, tổ dân phố văn hóa.

- Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

**17. Đề nghị cho biết, tiêu chuẩn đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” dành cho cá nhân?**

Theo quy định tại Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

- Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

**18. Sau 03 năm liên tiếp đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, năm nay anh Dương Văn N đã có sáng kiến về giảm thời gian đăng ký, làm thủ tục khám chữa bệnh cho bệnh nhân của bệnh viện và được áp dụng rộng rãi trong toàn ngành. Hỏi, anh N có được xem xét để tặng Danh hiệu chiến sĩ thi đua ngành y tế không. Đề nghị cho biết, tiêu chuẩn đối với danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng có cá nhân?**

Theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng về danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh như sau:

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

+ Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.

- Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.

Đối chiếu với quy định trên, anh N có đủ tiêu chuẩn đề xem xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành y tế.

**19. Đề nghị cho biết, tiêu chuẩn đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tặng có cá nhân?**

Theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 về danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

**20. Cuối năm, tôi thấy nhiều cơ quan họp bình xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức người lao động đạt các tiêu chuẩn như “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Hỏi, để được tặng danh hiệu này, các cá nhân cần đạt các tiêu chuẩn gì?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng quy định về danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” như sau:

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

- Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

- Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” để tặng cho quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định nêu trên.

**21. Gần nhà tôi có gia đình anh chị N và M đều là công nhân Nhà máy công nghiệp X. Đợt vừa rồi, tôi thấy anh N được Ủy ban nhân dân huyện D nơi cư trú tặng Danh hiệu “Lao động tiên tiến” vì những thành tích xuất sắc trong công tác có nhiều sáng kiến tiết kiệm chi phí. Xin hỏi, danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân và người lao động có khác gì so với cán bộ, công chức, viên chức hay không?**

Theo khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng về danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng (là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân) khi đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Lao động, sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

**22. Xin hỏi, danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 về danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” như sau:

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

+ Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.

**23. Vụ X trong quá trình làm việc đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm. Đây là một tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; nội bộ đoàn kết và luôn tích cực thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác. Xin hỏi, thành tích của Vụ X có thể danh hiệu cờ thi đua của Bộ chủ quản hay không. Xin hỏi, danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng cho tập thể đạt các điều kiện nào?**

Thành tích của Vụ X đủ tiêu chuẩn đạt danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 như sau:

- Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;

+ Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

- Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

- Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

**24. Xin hỏi, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**25. Đề nghị cho biết một tập thể muốn đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” phải có các tiêu chuẩn như thế nào?**

Theo Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng quy định về Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

- Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**26. Xã K luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng*,* an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Gần đây, do mở cửa thị trường, người dân trong xã đã nhanh nhạy chuyển đổi các mô hình nông nghiệp truyền thống sang áp dụng công nghệ hiện đại nên đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển. Do vậy, trong tổng kết phong trào thi đua ở huyện cuối năm, xã K đã được tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”. Xin hỏi, tập thể muốn đạt danh hiệu này cần có các tiêu chuẩn như thế nào theo quy định pháp luật?**

Theo quy định tại Điều 29 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022,danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu để tặng hằng năm cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu phong trào thi đua cấp huyện và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng*,* an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao;

- Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;

- Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;

- Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp;

- Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định.

**27. Thế nào là danh hiệu “Gia đình văn hóa”?**

Theo Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng về danh hiệu “Gia đình văn hóa” để tặng hằng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

- Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định.

**28.** **Xin hỏi, ngoài các danh hiệu thi đua như lao động tiên tiến hay “Chiến sĩ thi đua cơ sở, pháp luật còn quy định có các danh hiệu thi đua nào khác hay không?**

**Trả lời**

Theo Điều 32 Luật Thi đua, khen thưởng về các danh hiệu thi đua khác gồm:

- Danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

- Danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu cờ thi đua của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ do Bộ trưởngBộ Quốc phòng quy định.

- Danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu cờ thi đua của đại học quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể và người đang công tác, học tập tại cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục, đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc người đứng đầu Bộ, ngành quản lý cơ sở giáo dục quy định theo thẩm quyền.

*07 câu Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*

**1. Đề nghị cho biết, hồ sơ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận là liệt sĩ nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 gồm những giấy tờ gì?**

Vấn đề ông/bà hỏi được quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, căn cứ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối vưới người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận là liệt sĩ)nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006:

Hồ sơ công nhận và hưởng chế độ ưu đãi được xác lập đủ và đúng quy định tại từng thời điểm hiện đang lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kèm danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần có ký nhận của người hưởng trợ cấp.

**2. Ông B là liệt sĩ, hy sinh tại chiến trường Tây Nam và đã được nhà nước công nhận cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Gia đình con trai ông B đã được hưởng chế độ từ năm 1985. Nay, con trai ông B muốn hỏi rõ hơn về điều kiện cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” được pháp luật mới quy định như thế nào?**

Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định về cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

- Điều kiện cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”:

+ Người hy sinh đã được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn*”* của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh chưa được đổi thành Bằng “Tổ quốc ghi công” do Thủ tướng Chính phủ cấp.

+ Thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

- Căn cứ để cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

+ Bản gốc Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh.

+ Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

**3. Trong quá trình chuyển nhà, một số hồ sơ, giấy tờ của gia đình chị C bị mất trong đó có Bằng “Tổ quốc ghi công” của bố chồng chị C. Xin hỏi, gia đình chị C có thể xin cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” hay không? Hồ sơ, thủ tục xin cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo Điều 24 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, về việc cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp sau: bị mất; bị thiếu thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại.

Về hồ sơ, thủ tục cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” được quy định:

- Đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định só 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú (kèm theo bằng cũ nếu còn).

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm lập và gửi danh sách kèm các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định này đối với những trường hợp đủ điều kiện và có đầy đủ thông tin ghi theo giấy báo tử của liệt sĩ kèm văn bản đề nghị gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp lại, gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

**4. Đề nghị cho biết, Bằng “Tổ quốc ghi công” sẽ bị thu hồi trong những trường hợp nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP về thu hồi Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp sau:

- Công nhận liệt sĩ không đúng quy định theo kết luận của thanh tra.

- Người được công nhận liệt sĩ vẫn còn sống sau ngày cấp bằng.

- Bằng “Tổ quốc ghi công” đã cấp trùng.

**5. Đề nghị cho biết các giấy tờ đề nghị giải quyết chế độ hỗ trợ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ như sau:

Cá nhân lập bản khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú (theo mẫu quy định) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ kèm bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công” và một trong các giấy tờ sau:

- Trường hợp thân nhân là người có công nuôi liệt sĩ phải có văn bản đồng thuận của các thân nhân liệt sĩ; trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì phải có văn bản đồng thuận của những người là ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột của liệt sĩ. Văn bản đồng thuận do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về chữ ký, nơi thường trú và nội dung đồng thuận.

Người có công nuôi liệt sĩ phải là người đủ 16 tuổi trở lên và có khả năng lao động hoặc kinh tế để nuôi liệt sĩ.

- Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi phải có thêm bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh.

- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học.

- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**6. Pháp luật quy định về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác như sau:

Cá nhân làm đơn đề nghị (theo mẫu quy định) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú kèm một trong các giấy tờ sau:

- Ý kiến đồng thuận bằng văn bản của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành.

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống và biên bản họp đồng thuận có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản (theo mẫu quy định) của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người là ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột của liệt sĩ; trường hợp những người này không còn thì của những người thuộc hàng thừa kế thứ ba (là cụ nội, cụ ngoại của liệt sĩ, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ) đối với trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống. Trường hợp không đủ thành viên dự họp thì phải có ý kiến đồng thuận của người vắng mặt bằng văn bản, có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống phải kèm theo bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ chứng minh được lý do là vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng.

**7. Đề nghị cho biết, hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ được pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ như sau:

- Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp hằng tháng thì cá nhân làm đơn đề nghị (theo mẫu quy định) kèm văn bản ủy quyền của những người theo quy định và bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công” gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ, có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách gửi các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ của liệt sĩ đang quản lý, ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. Quyết định này được thực hiện liên tục nếu không có sự thay đổi về người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc về mức trợ cấp. Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng năm kể từ năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định.

Trường hợp hồ sơ gốc của liệt sĩ do địa phương khác quản lý thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị nơi quản lý hồ sơ thực hiện di chuyển hồ sơ liệt sĩ kèm văn bản xác nhận chưa được giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

- Trường hợp người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ chết hoặc không có điều kiện tiếp tục thờ cúng liệt sĩ thì cá nhân khác được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ thực hiện thủ tục theo quy định nêu trên, trợ cấp thờ cúng được thực hiện kể từ năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định.

Trường hợp người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ chết trong năm nhưng trước thời điểm chi trả trợ cấp thì trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của năm đó được chi trả cho người hưởng trợ cấp thờ cúng khác.

- Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ hoặc cơ quan, đơn vị được giao thờ cúng liệt sĩ xác định như sau:

+ Trường hợp liệt sĩ còn thân nhân thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được các thân nhân liệt sĩ ủy quyền bằng văn bản đảm nhiệm việc thờ cúng liệt sĩ và nhận trợ cấp theo quy định.

+ Trường hợp thân nhân liệt sĩ chỉ còn con, nếu liệt sĩ có nhiều con thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được những người con còn lại ủy quyền; nếu liệt sĩ chỉ có một con hoặc chỉ còn một con còn sống thì không phải làm văn bản ủy quyền.

Trường hợp con liệt sĩ giao người khác thực hiện thờ cúng liệt sĩ thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được con liệt sĩ thống nhất ủy quyền.

+ Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân hoặc chỉ còn một thân nhân duy nhất nhưng người đó bị hạn chế năng lực hành vi, mất năng lực hành vi, cư trú ở nước ngoài hoặc không xác định được nơi cư trú thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột của liệt sĩ; cháu ruột của liệt sĩ mà liệt sĩ là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại). Trường hợp những người này không còn thì được những người là cụ nội, cụ ngoại của liệt sĩ, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ ủy quyền.

- Trường hợp không xác định được người ủy quyền thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ cư trú trước khi tham gia hoạt động cách mạng. Nếu không xác định được xã nơi liệt sĩ cư trú trước khi tham gia hoạt động cách mạng thì giao cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh để thực hiện nghi thức dâng hương liệt sĩ theo phong tục địa phương.

**29. Xin cho biết, pháp luật quy định có bao nhiêu loại huân chương?**

Huân chương để tặng cho tập thể có nhiều thành tích; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công trạng, lập được thành tích hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 thì có 10 loại huân chương, gồm:

a) “Huân chương Sao vàng”;

b) “Huân chương Hồ Chí Minh”;

c) “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

d) “Huân chương Quân công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

đ) “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

e) “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

g) “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

h) “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”;

i) “Huân chương Dũng cảm”;

k) “Huân chương Hữu nghị”.

**30. “Huân chương Sao vàng” có được tặng cho người nước ngoài không?**

“Huân chương Sao vàng” là huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, người nước ngoài được tặng “Huân chương Sao vàng” khi họ là nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành công nhận và đề nghị.

**31. Để được tặng “Huân chương Sao vàng”, cá nhân, tập thể phải đạt các tiêu chuẩn gì?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 34Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, cụ thể như sau:

- “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;

+ Có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước thuộc một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc lĩnh vực khác.

- “Huân chương Sao vàng” để tặng cho Bộ, ban, ngành, tỉnh, cơ quan của Quốc hội đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Đã được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” và sau đó có liên tục từ 25 năm trở lên đến thời điểm đề nghị lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

+ Có bề dày truyền thống, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

- “Huân chương Sao vàng” để tặng cho quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, hệ lực lượng trong Công an nhân dân, tổng cục và tương đương thuộc Bộ, ban, ngành đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Đã được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” và sau đó có liên tục từ 25 năm trở lên đến thời điểm đề nghị lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

+ Có bề dày truyền thống, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Tập thể đã được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần tiếp theo thì thời gian và tiêu chuẩn đề nghị tặng “Huân chương Sao vàng” được tính từ khi được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần gần nhất.

“Huân chương Sao vàng” để tặng cho nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành công nhận và đề nghị.

**32. Xin cho biết, Huân chương Hồ Chí Minh có thể xét tặng nhiều lần cho tập thể không?**

Có.

Tại khoản 4 Điều 35Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, tập thể đã được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” và sau đó có liên tục từ 15 năm trở lên đến thời điểm đề nghị lập được nhiều thành tích xuất sắc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh thì được xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần tiếp theo. Trong thời gian đó, nếu được tặng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng Nhất thì tiêu chuẩn để tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần tiếp theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật, cụ thể: có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới tiêu biểu cho cả nước học tập; có bề dày truyền thống, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

**33. Năm 2009, tại lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập, công ty tôi vinh dự đón nhận “Huân chương độc lập” hạng Nhì. Từ đó đến nay, Công ty vẫn luôn trên đà phát triển, có nhiều đóng góp cho địa phương, 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng cờ thi đua của ngành, tỉnh. Sắp tới, công ty kỷ niệm 50 năm thành lập và muốn đề xuất khen thưởng “Huân chương độc lập” hạng Nhất. Tôi xin hỏi, để được xét tặng, công ty phải đáp ứng các điều kiện gì?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Cụ thể, “Huân chương Độc lập” hạng Nhấtđể tặng cho tập thể không phải là Bộ, ban, ngành, tỉnh, cơ quan của Quốc hội nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đã được tặng “Huân chương Độc lập” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Theo đó, để được xét tặng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, Công ty cần có thêm 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

**34. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các nhân, tập thể người nước ngoài được trao tặng khen thưởng “Huân chương Độc lập” hạng nhất trong trường hợp nào?**

Khoản 3 Điều 36 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.

**35. Đề nghị cho biết, tiêu chuẩn để được xét tặng “Huân chương lao động” hạng Nhì được quy định như thế nào?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 37Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó:

a. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Lập được nhiều thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc thuộc một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, đối ngoại hoặc lĩnh vực khác.

b. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho Bộ, ban, ngành, tỉnh, cơ quan của Quốc hội nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Độc lập” hạng Ba;

- Có nhiều thành tích xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho tập thể không phải là Bộ, ban, ngành, tỉnh, cơ quan của Quốc hội nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Độc lập” hạng Ba và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh và 01 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

d. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có nhiều thành tích xuất sắc đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.

**36. Vừa qua, trong quá trình tìm tư liệu viết gia phả của gia đình, tôi có tìm thấy một số giấy tờ của người bác trai (đã mất năm 1957), trong đó cho thấy bác tôi được kết nạp Đảng năm 1946, đã từng tham gia hoạt động cách mạng như: thông tin liên lạc, rải truyền đơn, thành viên Đội tự vệ cứu quốc làng... Qua tìm hiểu, tôi được biết, cách đây mấy năm, ông Bùi C, người tham gia cách mạng cùng thời với bác tôi đã được truy tặng “Huân chương Độc lập” hạng Ba nên cũng muốn đề nghị được truy tặng danh hiệu này cho bác tôi. Xin hỏi, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba đối với cá nhân là gì?**

Vấn đề ông/bà hỏi được quy định tại khoản 1, 5 Điều 38 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó, “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc thuộc một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, đối ngoại hoặc lĩnh vực khác.

Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba đối với trường hợp có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**37. Tiêu chuẩn xét tặng, truy tặng “Huân chương Quân công” hạng Nhất được quy định như thế nào?**

Điều 38 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về tiểu chuẩn khen thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhất như sau:

a. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân được nêu gương trong toàn quốc.

b. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Quân công” hạng Nhì;

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Quân công” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

- Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

**38. Xin cho biết, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhì** **đối với cá nhân, tập thể?**

Điều 40 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhì đối với cá nhân, tập thể như sau:

a. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

- Lập được nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân được nêu gương trong toàn quốc.

b. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Quân công” hạng Ba;

- Lập được nhiều thành tích xuất sắc, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

c. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Quân công” hạng Ba và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an và 01 lần được tặng bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

- Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

**39. Năm 2023 tới đây, đơn vị tôi (thuộc lực lượng Quân đội nhân dân) kỷ niệm 35 năm xây dựng và phát triển. Tôi được lãnh đạo đơn vị giao tham mưu về nội dung thi đua khen thưởng. Tôi muốn biết, pháp luật quy định về tiêu chuẩn khen thường “Huân chương Quân công” hạng Ba như thế nào?**

Nội dung anh/chị muốn biết được quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó,tập thể trong Quân đội nhân dân được tặng “Huân chương Quân công” hạng Ba khi đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ Quốc phòng;

- Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

- Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

**40. Xin cho biết, tiêu chuẩn để được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhất?**

tiêu chuẩn để được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhất được quy định tại Điều 42Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; cụ thể như sau:

a. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

- Được giải thưởng cao của thế giới;

- Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học và công nghệ hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp Nhà nước được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận;

- Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

- Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 02 lần được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

- Công nhân có 03 sáng kiến mang lại giá trị cao, có lợi ích thiết thực và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

- Nông dân có 03 sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh, mang lại giá trị cao, có lợi ích thiết thực hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân phát triển sản xuất và tạo việc làm cho nhiều lao động được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

c. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

d. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

- Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

- Có thành tích đặc biệt xuất sắc, được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động;

- Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 04 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 04 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với tập thể không thuộc đối tượng được tặng cờ thi đua.

đ. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm d nêu trên.

e. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.

**41. Năm 2017, tôi đã được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Ba. Kể từ đó đến nay, tôi vẫn luôn cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tôi muốn biết, để có thể tiếp tục được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì, tôi phải đáp ứng các tiêu chuẩn gì?**

Trường hợp của ông/bà đã được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Ba. Do đó, để có thể tiếp tục được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 43 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, ông/bà cần đáp ứng tiêu chuẩn sau:

- Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Sau khi được khen tặng “Huân chương Lao động” hạng Ba có liên tục từ 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 01 lần được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh.

**42. Xin hỏi, tiêu chuẩn để công nhân, nông dân được khen tặng Huân chương Lao động” hạng Nhì được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, tiêu chuẩn để tặng hoặc truy tặng Huân chương Lao động” hạng Nhìđối với công nhân, nông dân gồm:

- Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

+ Đạt một trong các tiêu chuẩn: (i) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong Bộ, ban, ngành, tỉnh; (ii) Được giải thưởng quốc tế cao nhất của khu vực; (iii) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có công trình khoa học và công nghệ hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh; (iv) Có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

+ Công nhân có 02 sáng kiến mang lại giá trị cao, có lợi ích thiết thực và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

+ Nông dân có 02 sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh, mang lại giá trị cao và có lợi ích thiết thực hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân phát triển sản xuất và tạo việc làm cho người lao động được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

**43. Sắp tới đây, Công ty tôi sẽ tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập công ty và tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2022. Lãnh đạo công ty giao tôi nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền hình thức khen thưởng phù hợp. Tôi xin hỏi, doanh nhân có được khen thưởng “Huân chương Lao động” không? Tiêu chuẩn được khen thưởng như thế nào?**

Huân chương Lao động là một loại [huân chương](https://www.wikiwand.com/vi/Hu%C3%A2n_ch%C6%B0%C6%A1ng_Vi%E1%BB%87t_Nam) của Nhà nướ c Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc. Huân chương Lao động có 3 hạng được phân biệt bằng số sao đính trên dải và cuống huân chương: hạng Nhất có 3 sao, hạng Nhì có 2 sao, hạng Ba có 1 sao.

Theo quy định tại Điều 42, 43 và Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, thì doanh nhân được tặng hoặc truy tặng “Huân chương Lao động” khi chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

\* Đối với “Huân chương Lao động” hạng Nhất:

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

- Được giải thưởng cao của thế giới;

- Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học và công nghệ hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp Nhà nước được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận;

- Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

\* Đối với “Huân chương Lao động” hạng Nhì:

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Được giải thưởng quốc tế cao nhất của khu vực;

- Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có công trình khoa học và công nghệ hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

\* Đối với “Huân chương Lao động” hạng Ba:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên;

- Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc công trình khoa học và công nghệ hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

- Có thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

**44. Cá nhân tôi đã được tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, có 5 năm tiếp đều hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 01 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Vậy, tôi có đủ điều kiện làm thủ tục đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba không?**

Không.

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định,“Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Đối chiếu với quy định nêu trên, ông/bà cần có thêm 02 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” nữa.

**45. Đề nghị cho biết, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba cho tập thể?**

Vấn đề bạn quan tâm được quy định tại khoản 4 Điều 44Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, cụ thể

“Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Có nhiều đóng góp trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

- Có thành tích xuất sắc, được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên;

- Có thành tích xuất sắc trong phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước;

- Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 01 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh và 01 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với tập thể không thuộc đối tượng được tặng cờ thi đua.

**46.** **Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Tôi xin hỏi, công dân Việt Nam không công tác trong lực vũ trang nhân dân thì có được khen thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” không?**

Không.

Theo quy định tại khoản 1 của các Điều 45, 46 và Điều 47 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 thì đối tượng cá nhân được khen thưởng Huân chương Bảo vệ tổ quốc phải thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Tại khoản 1 Điều 23 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam bao gồm 03 lực lượng đó là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ.

**47. Xin cho hỏi, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất cho tập thể?**

Khoản 2 Điều 45Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắcđột xuấttrong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng cờ thi đua của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc có 04 lần được tặng cờ thi đua của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc có 04 lần được tặng bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với tập thể không thuộc đối tượng được tặng cờ thi đua.

**48.** **Xin hỏi, điều kiện khen thưởng “Huân chương Chiến công” hạng Nhất đối với cá nhân?**

Khoản 1Điều 48Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, “Huân chương Chiến công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc không quản hy sinh tính mạng, kiên quyết đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

**49. Xin hỏi, điều kiện khen thưởng “Huân chương Chiến công” hạng Ba đối với tập thể**

Khoản 2Điều 50Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, “Huân chương Chiến công” hạng Ba để tặng cho tập thể trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, trong hệ lực lượng trong Công an nhân dân hoặc ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Chủ động, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, trong hệ lực lượng trong Công an nhân dân hoặc ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

**50. Đề nghị cho biết, đối tượng và điều kiện khen tặng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 51Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó:

- Về đối tượng được tặng hoặc truy tặng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” là cá nhân, gồm: nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo*,*người dân tộc thiểu số, doanh nhân tiêu biểu, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân khác.

- Về điều kiện khen tặng: Có quá trình cống hiến, có công lao to lớn, thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam công nhận.

**51. Qua các phương tiện thông tin đại chúng, tôi thấy có rất nhiều cá nhân có hành động dũng cảm cứu người gặp nạn, cần được biểu dương, tôn vinh và khen thưởng. Tôi xin hỏi, hình thức khen thưởng cao quý Nhà nước tặng cho đối tượng này là gì?**

Nội dung bạn hỏi được quy định tại Điều 52 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó,“Huân chương Dũng cảm” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm khi cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân trong thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, cháy, nổ, đấu tranh phòng, chống tội phạm hoặc dũng cảm xung phong vào nơi nguy hiểm nhằm bảo vệ tính mạng của người dân và thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc toàn quốc.

**52. Đề nghị cho biết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Hữu nghị”?**

Điều 53Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, “Huân chương Hữu nghị” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài có đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước trên thế giới và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam;

b) Có đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước hoặc công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Việt Nam; có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.

**53. Xin cho hỏi, có mấy loại huy chương?**

Huy chương để tặng hoặc truy tặng cho quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có quá trình công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; người nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Tại khoản 2 Điều 54Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, huy chương gồm 04 loại sau:

a) “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”;

b) “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”;

c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

d) “Huy chương Hữu nghị”.

**54. Xin hỏi, đối tượng và điều kiện khen tặng “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 55Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó:

- Đối tượng được tặng hoặc truy tặng “Huy chương Quân kỳ quyết thắng” là quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân.

 - Điều kiện: Có quá trình công tác liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**55. Xin hỏi, đối tượng và điều kiện khen tặng “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”?**

Theo Điều 56 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 thì “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có quá trình công tác liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**56. Xin cho biết, đối tượng và điều kiện khen tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”?**

Tại Điều 57Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chuẩn tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” như sau:

- “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công tác liên tục từ 20 năm trở lên;

- “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công tác liên tục từ 15 năm đến dưới 20 năm;

- “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công tác liên tục từ 10 năm đến dưới 15 năm.

Việc tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với cá nhân nêu trên có thời gian làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ hoặc làm nhiệm vụ quốc tế được quy định như sau:

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thời gian làm nhiệm vụ từ đủ 01 năm trở lên thì được tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Ba;

- Quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân hy sinh và được công nhận liệt sĩ có thời gian làm nhiệm vụ chưa đủ 01 năm thì được truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Ba; có thời gian làm nhiệm vụ từ 01 năm đến dưới 05 năm thì được truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhì; có thời gian làm nhiệm vụ từ 05 năm trở lên thì được truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất; trường hợp tổng thời gian công tác đã đủ điều kiện tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” mà chưa đề nghị khen thưởng hoặc đã được tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” mà chưa đủ điều kiện để tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng cao hơn thì được truy tặng nâng lên một hạng;

- Thời gian làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm nhiệm vụ quốc tế của quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân được nhân hệ số 02 khi tính thời gian công tác để tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” các hạng Nhất, Nhì, Ba.

**57. Đề nghị cho biết danh hiệu vinh dự nhà nước bao gồm những danh hiệu gì?**

Điều 59 Luật thi đua khen thưởng năm 2022 quy địnhDanh hiệu vinh dự nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

- “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”;

- “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

- “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

- “Anh hùng Lao động”;

- “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;

- “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

- “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

- “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

**58. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng Danh hiệu “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng” là gì?**

Điều 60 Luật thi đua khen thưởng năm 2022 quy địnhDanh hiệu “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng” để tặng cho tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt các tiêu chuẩn sau đây:

(i) Có thành tích đặc biệt xuất sắc và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

(ii) Năng động, sáng tạo, là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực và cả nước trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế;

(iii) Tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đoàn kết, thống nhất.

**59. Bà Nguyễn Thị T chỉ có 1 người con trai và 1 người con gái. Người con trai đi bộ đội chiến đấu và hy sinh tại Mặt trận Quảng Trị 1972. Xin hỏi, trường hợp này bà Nguyễn Thị T có đủ tiêu chuẩn phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng không?**

Điều 61 Luật thi đua khen thưởng năm 2022 thì Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”để tặng hoặc truy tặng cho những bà mẹ có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

Việc xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2012. Theo đó, những bà mẹ thuộc một trong các trường hợp sau đây được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”:

- Có 2 con trở lên là liệt sĩ;

- Chỉ có 2 con mà 1 con là liệt sĩ và 1 con là thương binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- Chỉ có 1 con mà người con đó là liệt sĩ;

- Có 1 con là liệt sĩ và có chồng hoặc bản thân là liệt sĩ;

- Có 1 con là liệt sĩ và bản thân là thương binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.”

Đối chiếu với quy định trên thì trường hợp bà Nguyễn Thị T không thuộc một trong các trường hợp nêu trên nên bà không thuộc đối tượng phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hung.

**60. Đề nghị cho biết cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân phải có những tiêu chuẩn gì?**

Khoản 1 Điều 62 Luật thi đua khen thưởng năm 2022 quy định Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

(i) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt;

(ii) Có hành động anh hùng, mưu trí, dũng cảm, hy sinh quên mình, đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, được nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt đã được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự, quốc phòng, an ninh hoặc kinh tế - xã hội trong phạm vi toàn quốc;

(iii) Có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn, nghiệp vụ thành thạo; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có công lớn trong việc bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng đội.

Ngoài các trường hợp trên, danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” còn để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại mục (i) có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

**61. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đối với tập thể được quy định như thế nào?**

Khoản 2 Điều 62 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 quy định danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

(i) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

(ii) Sáng tạo, mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, là ngọn cờ tiêu biểu trong phong trào thi đua, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân trong thời gian từ 10 năm trở lên;

(iii) Dẫn đầu toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, lập nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới phục vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác;

(iv) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, về chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị cho cán bộ, chiến sĩ; quản lý tốt vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật, an toàn tuyệt đối về người và tài sản;

(v) Trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân; có tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, hợp tác, giúp đỡ và đoàn kết quân dân, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ;

(vi) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương, được Nhân dân địa phương tin yêu, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

Ngoài các trường hợp quy định trên, danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” còn để tặng hoặc truy tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại mục (v), (vi) có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

**62. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động đối với cá nhân được quy định như thế nào?**

Khoản 1 Điều 63 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 quy định danh hiệu “Anh hùng Lao động”để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

(i) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, vượt khó, tận tụy với công việc; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt;

(ii) Có tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất lao động cao, chất lượng và hiệu quả, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

(iii) Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên, được tập thể suy tôn;

(iv) Có nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, có sáng kiến, công trình nghiên cứu khoa học, tác phẩm có giá trị đặc biệt mang lại hiệu quả cao trong phạm vi toàn quốc;

(v) Có công lớn trong việc bồi dưỡng, đào tạo cho đồng nghiệp và thế hệ trẻ, trong việc hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh.

Ngoài các trường hợp trên, danh hiệu “Anh hùng Lao động” còn để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại mục (i) có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**63**. **Đề nghị cho biết tiêu chuẩn được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động đối với tập thể được quy định như thế nào?**

Khoản 2 Điều 63 Luật Thi đua khen thưởng quy định các tiêu chuẩn để tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” cho tập thể như sau:

(i) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

(ii) Là tập thể dẫn đầu toàn quốc về năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên;

(iii) Dẫn đầu toàn quốc trong việc áp dụng và đổi mới khoa học và công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, bảo vệ môi trường sinh thái và chuyển đổi số;

(iv) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là điển hình về công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để các tập thể khác noi theo;

(v) Trung thành với Tổ quốc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động, quản lý tốt nguồn vốn, tài sản, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

(vi) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt được Nhân dân địa phương ca ngợi.

Ngoài các trường hợp quy định trên, danh hiệu “Anh hùng Lao động” còn để tặng hoặc truy tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại mục (v), (vi) này có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**64. Tôi là giáo viên có thời gian dạy lớp là 23 năm và 1 năm là cán bộ quản lý và trong thời gian 1 năm là cán bộ quản lý, trường được công nhận là Tập thể Lao động Xuất sắc. Vậy xin hỏi, tôi có đủ tiêu chuẩn để được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú không?**

Khoản 3 Điều 64 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 quy định Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” để tặng cho cá nhân gồm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm, có công trong sự nghiệp giáo dục, được học trò, đồng nghiệp và Nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên, trong đó có từ 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

Như vậy, để được xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” thì nhà giáo phải đạt được những tiêu chuẩn trên. Do đó, nếu anh/chị muốn được xét tặng danh hiệu "Nhà giáo ưu tú" thì cần phải đối chiếu xem bản thân đã có đủ những tiêu chuẩn được quy định chưa. Lưu ý là thời gian công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được nhân hệ số 02 khi tính thời gian công tác để xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”.

**65. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân là gì?**

Khoản 2 Điều 64 quy định danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” để tặng cho cá nhân gồm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đã được tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm xuất sắc, có công lớn trong sự nghiệp giáo dục, có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và trong xã hội, được học trò, đồng nghiệp và Nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên, trong đó có từ 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

Lưu ý: Thời gian công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được nhân hệ số 02 khi tính thời gian công tác để xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”.

**66. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” là gì?**

Khoản 3 Điều 65 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 quy định danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” để tặng cho cá nhân gồm bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên ngành y, hộ sinh, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng, có nhiều thành tích xuất sắc trong nghề, được người bệnh, đồng nghiệp và Nhân dân tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật trong ngành y tế từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành y tế từ 20 năm trở lên, trong đó có từ 10 năm trở lên trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật trong ngành y tế.

Lưu ý:  Thời gian công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được nhân hệ số 02 khi tính thời gian công tác để xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”.

**67. Đề nghị cho biết cá nhân muốn được tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” phải đáp ứng đủ những điều kiện gì?**

Khoản 2 Điều 65 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” tặng cho cá nhân gồm bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên ngành y, hộ sinh, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế đã được tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng và có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển khoa học, kỹ thuật về y tế, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, có ảnh hưởng rộng rãi trong Nhân dân, được người bệnh và đồng nghiệp tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật trong ngành y tế từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành y tế từ 25 năm trở lên, trong đó có từ 15 năm trở lên trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật trong ngành y tế.

Lưu ý: Thời gian công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được nhân hệ số 02 khi tính thời gian công tác để xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”.

**68. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng danh hiệu nghệ sĩ ưu tú?**

Khoản 3 Điều 66 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” để tặng cho cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật gồm: Diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ, phát thanh viên; Người sáng tạo tác phẩm văn hóa nghệ thuật không thuộc đối tượng trên.

Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” để tặng cho cá nhân trên đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ Nhân dân, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ 15 năm trở lên hoặc từ 10 năm trở lên đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa; được tặng giải thưởng của các cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước hoặc có tác phẩm xuất sắc có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật được công chúng yêu thích, đón nhận.

**69. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân?**

Khoản 2 Điều 66 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” để tặng cho cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật gồm: Diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ, phát thanh viên; Người sáng tạo tác phẩm văn hóa nghệ thuật không thuộc đối tượng trên đã được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ 20 năm trở lên hoặc từ 15 năm trở lên đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa;

d) Sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”, tiếp tục được tặng giải thưởng của các cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước hoặc có tác phẩm xuất sắc có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật được công chúng yêu thích, đón nhận.

**70. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú là gì?**

Khoản 3 Điều 67 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ 15 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

**71. Tiêu chuẩn để được tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân là gì?**

Khoản 2 Điều 67 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ 20 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

**72. Đề nghị cho biết đối tượng được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”theo quy định của Luật thi đua khen thưởng 2022 là ai?**

Điều 68 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định đối tượng được tặng“Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” như sau:

(i) Để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân trung thành với Tổ quốc, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 69 và Điều 70 của Luật này và đã được công bố, sử dụng kể từ ngày 02 tháng 9 năm 1945, bao gồm:

- Công trình khoa học và công nghệ, giáo dục;

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát hoặc các hình thức khác.

(ii) Để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam, là tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

**73. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh là gì?**

Điều 69 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định “Giải thưởng Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật này và đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đặc biệt xuất sắc;

b) Có giá trị rất cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng;

c) Có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống Nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật của đất nước.

**74. Tiêu chuẩn để được tặng Giải thưởng Nhà nước được quy định như thế nào?**

Điều 70 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định“Giải thưởng Nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật này và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Công trình nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Sách giáo khoa, giáo trình có giá trị xuất sắc và được sử dụng rộng rãi trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng tốt trong việc giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của Nhân dân, góp phần đáng kể vào sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

**75. Đề nghị cho biết quy định về hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương được quy định như thế nào trong Luật thi đua khen thưởng?**

Điều 71 Luật Thi đua khen thưởng quy định về hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương như sau:

- Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội. Tên kỷ niệm chương, đối tượng, tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

- Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương.

Tên kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Bộ, ban, ngành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương quy định.

- Tên kỷ niệm chương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

**76. Ông Nguyễn Hữu Q được tặng Bằng khen của Bộ Công Thương năm 2017. Trong 05 năm liên tục tiếp theo (2018-2022), ông luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và có 05 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận. Vậy xin hỏi, thời gian tới ông Q muốn được xét tặng tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thì có đủ điều kiện không?**

Khoản 1 Điều 73 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng ở khu vực;

d) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế -xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

Như vậy, ông Q cần đối chiếu với các quy định trên để xem bản thân có đủ tiêu chuẩn được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ chưa.

**77. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” đối với công nhân, nông dân, người lao động là như thế nào?**

Khoản 2 Điều 73 Luật Thi đua khen thưởng quy định “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn sau: (i) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua; (ii) Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; (iii) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế -xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực, ngành, nghề;

c) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

**78. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn để tập thể được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được quy định như thế nào?**

Khoản 4 Điều 73 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức;

d) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên;

đ) Có thành tích xuất sắc trong phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước;

e) Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

**79. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn của cá nhân được tặng Bằng khen của bộ, ban, ngành là gì?**

Khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

đ) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

**80. Tiêu chuẩn của tập thể được tặng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh được quy định như thế nào?**

Khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

**81. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn của doanh nghiệp và tổ chức kinh tế để tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh được quy định như thế nào?**

Khoản 4 Điều 74 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Bộ, ban, ngành, địa phương được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận hoặc đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

**82. Đề nghị cho biết hộ gia đình có được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh không?**

Khoản 6 Điều 73 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Khoản 5 Điều 74 Luật Thi đua khen thưởng quy định Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

**83. Đề nghị cho biết hình thức khen thưởng Giấy khen được quy định như thế nào trong Luật Thi đua khen thưởng 2022?**

Điều 75 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định Giấy khen gồm:

- Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành;

- Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương;

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng giấy khen đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

**84. Đề nghị cho biết việc khen thưởng đối với các hình thức bằng khen, giấy khen khác được quy định như thế nào trong Luật Thi đua khen thưởng 2022?**

Điều 76 Luật Thi đua khen thưởng 2022 quy định hình thức bằng khen, giấy khen khác như sau:

- Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

- Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

- Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen của đại học quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ trưởngBộ Giáo dục và Đào tạo hoặc người đứng đầu Bộ, ngành, tổ chức quản lý cơ sở giáo dục quy định.

*Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử*

1. **Xin hỏi, danh tính điện tử là gì? Định danh điện tử là gì? Những thông tin nào được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử?**

Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 7 Điều 3 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì danh tính điện tử công dân Việt Nam thì:

Danh tính điện tử là thông tin của một cá nhân hoặc một tổ chức trong hệ thống định danh và xác thực điện tử cho phép xác định duy nhất cá nhân hoặc tổ chức đó trên môi trường điện tử.

Định danh điện tử là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử.

Thông tin được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử” là những thông tin của chủ thể danh tính điện tử được thể hiện trong các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và đã được xác thực thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử theo đề nghị của chủ thể danh tính điện tử, gồm thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông, giấy phép lái xe, mã số thuế hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ sau khi thống nhất với Bộ Công an.

1. **Đề nghị cho biết, khi người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử sẽ được hưởng những lợi ích gì?**

Khi người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử sẽ được hưởng những lợi ích sau:

***Một là,*** công dân khi thực hiện các dịch vụ công (đã được tích hợp trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia) sẽ tự điền thông tin vào các biểu mẫu (form) đăng ký mà không phải khai báo, điền thông tin nhiều lần giúp tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí cho các loại biểu mẫu kê khai, giảm nhiều khâu thủ tục cần giải quyết.

***Hai là,*** công dân có thể cung cấp, chia sẻ thông tin của mình với bên thứ 3 thông qua quét mã Qrcode hoặc giải pháp kỹ thuật khác khi hệ thống của bên thứ 3 đủ điều kiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

***Ba là,*** công dân có thể thay thế Căn cước công dân vật lý và các loại giấy tờ mà công dân đăng ký tích hợp hiển thị trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia như: Giấy phép lái xe, đăng ký xe, thẻ bảo hiểm y tế,....

***Bốn là,*** công dân có thể thực hiện các giao dịch tài chính (thanh toán hóa đơn điện, nước, đóng bảo hiểm xã hội, y tế, chuyển tiền…).

***Năm là,*** bảo mật thông tin công dân, không thể giả mạo, chính xác và duy nhất do thông tin được xác thực từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là dữ liệu gốc được Chính phủ giao cho Bộ Công an quản lý. Do vậy, khi công dân thực hiện các giao dịch điện tử trên môi trường điện tử sẽ thuận tiện và an toàn.

1. **Dạo này tôi xem tivi, thời sự hay nhắc tới “VNelD”, trang thông tin định danh điện tử. Vậy xin hỏi, “VNelD”, trang thông tin định danh điện tử là gì?**

Theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì “VNelD” là ứng dụng trên thiết bị số; “dinhdanhdientu.gov.vn”, “vneid.gov.vn” là trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử; phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

1. **Việc định danh và xác thực điện tử phải tuân theo những nguyên tắc nào?**

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì nguyên tắc định danh và xác thực điện tử gồm:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bảo đảm tính chính xác, duy nhất trong định danh và xác thực điện tử; công khai, minh bạch trong quản lý, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bảo đảm an ninh, an toàn thiết bị, bảo mật dữ liệu khi thực hiện định danh và xác thực điện tử.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Mọi hành vi vi phạm pháp luật về định danh và xác thực điện tử phải được phát hiện, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1. **Việc khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì việc khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử được quy định như sau:

- Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử để khai thác thông tin của chủ thể danh tính điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động quản lý nhà nước khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao qua Nền tảng định danh và xác thực điện tử.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNelD, trang thông tin định danh điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử bằng thiết bị, phần mềm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn.

- Chủ thể danh tính điện tử khai thác, chia sẻ thông tin danh tính điện tử (trừ thông tin sinh trắc học) và thông tin khác của mình đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử với cá nhân, tổ chức khác qua ứng dụng VNelD.

1. **Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử phải tuân thủ quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử phải tuân thủ quy định sau:

- Không được sử dụng tài khoản định danh điện tử vào hoạt động, giao dịch trái quy định của pháp luật; xâm phạm đến an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Không được can thiệp trái phép vào hoạt động của hệ thống định danh và xác thực điện tử.

1. **Đề nghị cho biết, danh tính điện tử của công dân Việt Nam bao gồm những nội dung gì?**

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì danh tính điện tử công dân Việt Nam gồm:

1. Thông tin cá nhân:

- Số định danh cá nhân;

- Họ, chữ đệm và tên;

- Ngày, tháng, năm sinh;

- Giới tính.

2. Thông tin sinh trắc học:

- Ảnh chân dung;

- Vân tay.

**92. Con tôi năm nay 13 tuổi. Xin hỏi cháu đã đủ điều kiện được cấp tài khoản định danh điện tử chưa?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì danh tính điện tử công dân Việt Nam thì công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; đối với công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

Như vậy, con bạn năm nay 13 tuổi thì chưa được cấp tài khoảng định danh điện tử và sẽ đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ.

**93. Xin hỏi, tài khoản định danh điện tử được phân loại mức độ như thế nào theo quy định?**

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, tài khoản định danh điện tử bao gồm tài khoản định danh điện tử của cá nhân và tài khoản định danh điện tử của tổ chức. Trong đó, tài khoản định danh cá nhân gồm có tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam và Tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài.

Tài khoản định danh điện tử có 2 mức độ.

1. Mức độ 1:

* Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam gồm những thông tin:

+ Thông tin cá nhân: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.

+ Thông tin sinh trắc học: Ảnh chân dung.

* Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của người nước ngoài gồm những thông tin:

+ Thông tin cá nhân: Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

+ Thông tin sinh trắc học: Ảnh chân dung.

1. Mức độ 2:

* Tài khoản định danh điện tử của cá nhân mức độ 2 gồm những thông tin như mức độ 1 và có thêm thông tin sinh trắc học là vân tay.
* Tài khoản định danh điện tử của tổ chức là tài khoản định danh điện tử mức độ 2 gồm những thông tin: Mã định danh điện tử của tổ chức; Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); Ngày, tháng, năm thành lập; Địa chỉ trụ sở chính; Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

**84. Đề nghị cho biết, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử nhằm mục đích gì?**

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì:

Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập và sử dụng các tính năng, tiện ích trên ứng dụng VnelD (là ứng dụng trên thiết bị số), trang thông tin định danh điện tử. Tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thể danh tính điện tử.

Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 1 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam, người nước ngoài có giá trị chứng minh các thông tin của người đó trong các hoạt động, giao dịch có yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân của chủ thể danh tính điện tử.

Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là người nước ngoài có giá trị tương đương như việc sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của người nước ngoài được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị chứng minh danh tính điện tử của tổ chức khi thực hiện giao dịch có yêu cầu chứng minh thông tin về tổ chức đó; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của tổ chức được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

Khi chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trong các hoạt động, giao dịch điện tử thì có giá trị tương đương với việc xuất trình giấy tờ, tài liệu để chứng minh thông tin đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

**95. Tôi đang muốn đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, xin hỏi, trình tự, thủ tục được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì:

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 qua ứng dụng VNelD đối với công dân đã có thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử theo trình tự như sau:

- Tải và cài đặt ứng dụng VnelD sử dụng thiết bị di động.

- Nhập thông tin về số định danh cá nhân và số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNelD; thu nhận ảnh chân dung bằng thiết bị di động và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNelD.

- Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

a) Đối với công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử:

Công dân đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử. Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin công dân cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử; chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay của công dân đến làm thủ tục để xác thực với Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và khẳng định sự đồng ý đăng ký tạo lập tài khoản định danh điện tử.

Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

b) Cơ quan Công an tiến hành cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cùng với cấp thẻ Căn cước công dân với trường hợp công dân chưa được cấp Căn cước công dân gắn chíp điện tử.

**96. Thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử**

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định này, cơ quan Công an có trách nhiệm giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử trong thời hạn như sau:

1. Đối với trường hợp công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân gắn chíp: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1, không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Đối với trường hợp công dân Việt Nam chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chíp: Không quá 07 ngày làm việc.

2. Đối với người nước ngoài: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1; không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đã có thông tin về ảnh chân dung, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; không quá 07 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 nhưng chưa có thông tin về ảnh chân dung, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

3. Đối với tổ chức:

- Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Không quá 15 ngày với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

**97. H vừa nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử. Xin hỏi, việc kích hoạt tài khoản định danh điện tử được quy định như thế nào?**

Điều 18 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định chủ thể danh tính điện tử thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNelD trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử. Sau 07 ngày, nếu tài khoản định danh điện tử không được kích hoạt, chủ thể danh tính điện tử liên hệ với cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông qua tổng đài tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu về định danh và xác thực điện tử để thực hiện việc kích hoạt tài khoản.

Như vậy, nếu trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử, H thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VnelD.

Sau 07 ngày nêu trên, H không kích hoạt tài khoản định danh điện tử thì H liên hệ với cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông qua tổng đài tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu về định danh và xác thực điện tử để thực hiện việc kích hoạt tài khoản.

**98. Xin hỏi, trong trường hợp nào hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động ghi nhận và khóa tài khoản định danh điện tử của công dân?**

Điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động ghi nhận và khóa tài khoản định danh điện tử của công dân trong trường hợp:

* Chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình;
* Chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản sử dụng ứng dụng VnelD;
* Chủ thể danh tính điện tử bị thu hồi thẻ Căn cước công dân;
* Chủ thể danh tính điện tử chết.

**99. Trường hợp nào phải gửi đề nghị khóa tài khoản tới cơ quan Công an để xem xét, giải quyết?**

Điểm b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ có yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử thì gửi đề nghị khóa tài khoản tới cơ quan Công an để xem xét, giải quyết.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, thủ trưởng cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử phê duyệt việc khóa tài khoản và thông báo tới cơ quan, tổ chức đề nghị khóa tài khoản và chủ thể danh tính điện tử. Trường hợp từ chối khóa tài khoản thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**100. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử?**

Điều 20 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử như sau:

- Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử tự động trên hệ thống định danh và xác thực điện tử và đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử của cơ quan cấp cục hoặc tương đương trở lên.

- Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với đề nghị được tiếp nhận tại Công an cấp tỉnh.

- Trưởng Công an cấp huyện quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với đề nghị được tiếp nhận tại Công an cấp huyện.

- Trưởng Công an cấp xã quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với đề nghị được tiếp nhận tại Công an cấp xã.

**101. Tổ chức, cá nhân thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử cần phải đáp ứng những điều kiện gì? Việc kết nối này được thực hiện như thế nào?**

Việc kết nối, sử dụng tài khoản định danh điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử được quy định tại Điều 22 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, theo đó:

Tổ chức, cá nhân thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử cần phải đáp ứng những điều kiện sau:

- Có cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin để kết nối;

- Hệ thống thông tin phục vụ kết nối bảo đảm an toàn theo tiêu chí hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định của pháp luật.

 Tổ chức, cá nhân thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử cần chuẩn bị hồ sơ gửi tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử gồm:

- Văn bản đề nghị kết nối nêu rõ phạm vi, mục đích thực hiện kết nối

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện thực hiện kết nối quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này.

Trình tự, thủ tục kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử được thực hiện như sau:

- Căn cứ vào điều kiện thực hiện kết nối và phạm vi, mục đích thực hiện kết nối của cá nhân, tổ chức đề nghị kết nối, cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tổ chức thẩm định, kiểm tra thực tế và quyết định việc cho phép thực hiện kết nối.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị kết nối, cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử xem xét, quyết định cho phép thực hiện kết nối bằng văn bản; nếu không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thực hiện kết nối:

- Sau khi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử có văn bản chấp thuận cho phép kết nối hệ thống định danh và xác thực điện tử với hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử thực hiện việc kết nối thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ ký với cá nhân, tổ chức đó.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử ngừng thực hiện kết nối trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm thỏa thuận sử dụng dịch vụ theo hợp đồng cung cấp dịch vụ. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử báo cáo cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử về việc ngừng thực hiện kết nối để cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo cho cá nhân, tổ chức.

**102. Xin hỏi, cá nhân, tổ chức không thuộc cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức thực hiện dịch vụ công được xác thực tài khoản định danh điện tử như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì cá nhân, tổ chức không thuộc cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức thực hiện dịch vụ côngđược xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để xác thực tài khoản đó do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập và còn giá trị sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử.

Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử không xác thực thông tin danh tính chủ thể và thông tin khác của chủ thể tài khoản định danh điện tử, trừ trường hợp cần thiết do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

Việc thực hiện xác thực tài khoản định danh điện tử theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức trong trường hợp nêu trên được thực hiện theo thỏa thuận bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử. Việc thực hiện xác thực tài khoản định danh điện tử phải có sự đồng ý của chủ thể danh tính điện tử.

**103. Đề nghị cho biết, có bao nhiêu mức độ xác thực tài khoản định danh?**

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử thì có 04 mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử, cụ thể như sau:

- Mức độ 1: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên một yếu tố xác thực và phương tiện xác thực trong đó không có thông tin về sinh trắc học.

- Mức độ 2: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên hai yếu tố xác thực khác nhau và phương tiện xác thực tương ứng trong đó không có thông tin về sinh trắc học.

- Mức độ 3: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên hai yếu tố xác thực khác nhau trở lên và phương tiện xác thực tương ứng trong đó có một thông tin về sinh trắc học.

- Mức độ 4: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên các yếu tố xác thực gồm ảnh chân dung, vân tay với thông tin trên thẻ Căn cước công dân hoặc Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

**104. Xin hỏi, chủ thể danh tính điện tử có trách nhiệm gì?**

Điều 32 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định chủ thể danh tính điện tử có trách nhiệm:

- Bảo vệ thông tin danh tính điện tử.

- Bảo đảm an toàn yếu tố xác thực.

- Thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử khi mất kiểm soát phương tiện xác thực hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép danh tính điện tử của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn sử dụng dịch vụ.

*Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú*

**105. M làm nghề lái tàu trên sông và thường xuyên sinh sống trên tàu, vậy, nơi cư trú của M được xác định như thế nào?**

Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú quy định nơi cư trú của người sinh sống, người làm nghề lưu động trên tàu, thuyền hoặc phương tiện khác có khả năng di chuyển (sau đây gọi chung là phương tiện) là nơi đăng ký phương tiện hoặc nơi phương tiện thường xuyên đậu, đỗ (nếu phương tiện đó không phải đăng ký hoặc có nơi đăng ký phương tiện không trùng với nơi thường xuyên đậu, đỗ); trừ trường hợp đã đăng ký nơi cư trú khác theo quy định của Luật Cư trú.

Như vậy, nếu M chưa đăng ký nơi cư trú khác theo quy định của Luật Cư trú thì nơi cư trú của M là nơi đăng ký phương tiện hoặc nơi phương tiện thường xuyên đậu, đỗ (nếu phương tiện đó không phải đăng ký hoặc có nơi đăng ký phương tiện không trùng với nơi thường xuyên đậu, đỗ).

Trong đó, nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện là địa điểm thực tế được phép đậu, đỗ mà phương tiện đó đậu, đỗ nhiều nhất trong 12 tháng liên tục do chủ phương tiện tự xác định và đã đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tại nơi phương tiện đó đậu, đỗ.

**106. Vừa rồi, N lên công an xã đăng ký thường trú trên thuyền của mình nhưng công an xã thông báo thiếu Giấy xác nhận đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện. Xin hỏi, thủ tục xin Giấy xác nhận đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện được quy định như thế nào?**

Theo khoản 3, 4 Điều 3 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú quy định thì hồ sơ đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện gồm:

- Giấy xác nhận đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hạn sử dụng của chủ phương tiện;

- Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm đối với phương tiện phải đăng ký, đăng kiểm. Trường hợp phương tiện không phải đăng ký, đăng kiểm thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về việc sử dụng phương tiện đó vào mục đích để ở;

- Hợp đồng thuê bến bãi cho phương tiện (nếu có).

Công dân có thể cung cấp bản sao có công chứng, chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính của giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký để đơn vị tiếp nhận kiểm tra, đối chiếu.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã xem xét, xác nhận vào Giấy xác nhận đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện cho chủ phương tiện.

**107. X đang sống và làm việc ở Hà Nội. Vừa rồi, X đã mua nhà chung cư ở Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Xin hỏi, trường hợp của X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hà Nội được không? Nếu được thì cần phải làm những thủ tục gì?**

Khoản 1 Điều 20 của Luật Cư trú năm 2020 quy định “Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký tại chỗ ở hợp pháp đó”.

Như vậy, trường hợp của X đủ điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố Hà Nội. Về hồ sơ, thủ tục đăng ký thường trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21; điểm b, khoản 2, Điều 21 của Luật Cư trú năm 2020, cụ thể như sau:

- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp

Trong đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú quy định, Công dân khi đăng ký cư trú cần chứng minh chỗ ở hợp pháp bằng một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau:

a) Giấy tờ, tài liệu chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc tài sản gắn liền với đất do cơ quan có thẩm quyền cấp (trong đó có thông tin về nhà ở);

b) Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp công trình phải cấp giấy phép xây dựng và đã xây dựng xong);

c) Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

d) Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán;

đ) Giấy tờ về mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận góp vốn, nhận đổi nhà ở phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở;

e) Giấy tờ về giao tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, cấp nhà ở, đất ở cho cá nhân, hộ gia đình;

g) Giấy tờ của Tòa án hoặc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho được sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

h) Giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở nếu không có một trong các giấy tờ nêu trên;

i) Giấy tờ chứng minh về đăng ký, đăng kiểm phương tiện thuộc quyền sở hữu. Trường hợp phương tiện không phải đăng ký, đăng kiểm thì cần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về việc phương tiện được sử dụng để ở; Giấy xác nhận đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện nếu nơi đăng ký cư trú không phải nơi đăng ký phương tiện hoặc phương tiện đó không phải đăng ký, đăng kiểm;

k) Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp là văn bản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ của cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở;

l) Giấy tờ của cơ quan, tổ chức do thủ trưởng cơ quan, tổ chức ký tên, đóng dấu chứng minh về việc được cấp, sử dụng nhà ở, chuyển nhượng nhà ở, có nhà ở tạo lập trên đất do cơ quan, tổ chức giao đất để làm nhà ở (đối với nhà ở, đất thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức).

Như vậy, đối với trường hợp của X, ngoài tờ khai thay đổi thông tin cư trú, X nộp thêm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. X nộp hồ sơ đăng ký thường trú tại Công an xã, phường, thị trấn nơi đăng ký thường trú.

**108. Hiện nay tôi và vợ đang thường trú tại thành phố Hà Nội (tôi là chủ sở hữu chỗ ở). Nay, tôi muốn đăng ký thường trú cho em trai tôi (năm nay 7 tuổi) vào nơi ở của tôi. Xin hỏi, trường hợp em trai tôi đăng ký thường trú vào nơi ở của vợ chồng tôi thì được không? Nếu được thì thủ tục hồ sơ gồm những giấy tờ gì?**

Tại khoản 2 Điều 12 Luật Cư trú năm 2020 quy định: “Người chưa thành niên có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ nếu được cha, mẹ đồng ý hoặc pháp luật có quy định”. Đồng thời, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú năm 2020 quy định điều kiện đăng ký thường trú đối với trường hợp “Người chưa thành niên được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý hoặc không còn cha, mẹ về ở với cụ nội, cụ ngoại, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; người chưa thành niên về ở với người giám hộ”.

Do vậy, em trai bạn đủ điều kiện đăng ký thường trú vào địa chỉ mà bạn và vợ đang đăng ký thường trú nếu được cha, mẹ bạn đồng ý. Hồ sơ, thủ tục đăng ký được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Cư trú, gồm:

- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân với chủ hộ, thành viên hộ gia đình, trừ trường hợp đã có thông tin thể hiện quan hệ này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú quy định giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân với chủ hộ, thành viên hộ gia đình. Đối với trường hợp của bạn cần có:

* Giấy tờ, tài liệu để chứng minh mối quan hệ anh, chị, em ruột, cháu ruột: Giấy khai sinh, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã nơi cư trú;
* Giấy tờ chứng minh người chưa thành niên gồm: Giấy khai sinh, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Sổ Bảo hiểm xã hội, Thẻ bảo hiểm y tế hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tại nơi cư trú về ngày, tháng, năm sinh.

Ngoài ra, trường hợp thông tin chứng minh quan hệ nhân thân của công dân đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan đăng ký cư trú không yêu cầu công dân phải cung cấp giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân (Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 62/2022/NĐ-CP).

**109. Xin hỏi, trong Cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân có những thông tin gì?**

Điều 9 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú quy định thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân gồm:

- Số hồ sơ cư trú.

- Nơi thường trú, thời gian bắt đầu đến thường trú; lý do, thời điểm xóa đăng ký thường trú.

- Nơi tạm trú, thời gian bắt đầu đến tạm trú, thời gian tạm trú; lý do, thời điểm xóa đăng ký tạm trú.

- Tình trạng khai báo tạm vắng, thời gian tạm vắng.

- Nơi ở hiện tại, thời gian bắt đầu đến nơi ở hiện tại.

- Nơi lưu trú, thời gian lưu trú.

- Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân của chủ hộ và các thành viên hộ gia đình.

- Quan hệ với chủ hộ.

- Số định danh cá nhân.

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh.

- Ngày, tháng, năm sinh.

- Giới tính.

- Nơi đăng ký khai sinh.

- Quê quán.

- Dân tộc.

- Tôn giáo.

- Quốc tịch.

- Tình trạng hôn nhân.

- Nhóm máu, khi công dân yêu cầu cập nhật và xuất trình kết luận về xét nghiệm xác định nhóm máu của người đó.

- Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, quốc tịch của cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người đại diện hợp pháp.

- Ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích.

- Số Chứng minh nhân dân, ngày, tháng, năm và nơi cấp Chứng minh nhân dân; số, ngày, tháng, năm và nơi cấp thẻ Căn cước công dân.

- Họ, chữ đệm và tên gọi khác.

- Nghề nghiệp (trừ lực lượng vũ trang nhân dân).

- Tiền án.

- Tiền sự.

- Biện pháp ngăn chặn bị áp dụng.

- Người giám hộ.

- Thông tin liên lạc (số điện thoại, fax, mail, địa chỉ hòm thư).

- Số, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, ngày, tháng, năm ban hành của văn bản cho nhập quốc tịch Việt Nam, cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Số, ngày, tháng, năm, cơ quan ra quyết định truy nã.

- Thông tin khác về công dân được tích hợp, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác.

**110. A muốn đăng ký tạm trú nhưng chỉ có giấy tờ hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước vậy thì có thể thực hiện việc đăng ký tạm trú tại căn nhà đó được không? Thủ tục đăng ký tạm trú như thế nào?**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Luật cư trú 2020 quy định về hồ sơ đăng ký tạm trú như sau:

- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú; đối với người đăng ký tạm trú là người chưa thành niên thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

Tại điểm c [Điều 5 Nghị định 62/2021/NĐ-CP](https://lawnet.vn/vb/nghi-dinh-622021ndcp-huong-dan-luat-cu-tru-738ED.html) quy định về giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp như sau:

*“…*

*c) Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;*

*…”*

Như vậy, theo quy định trên thì giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cũng được coi là một trong những giấy tờ được dùng để chứng minh nơi ở hợp pháp. Nên A có thể dùng giấy tờ trên để đăng ký tạm trú.

Thủ tục đăng ký tạm trú được quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật cư trú 2020 như sau:

* Người đăng ký tạm trú nộp hồ sơ đăng ký tạm trú đến cơ quan đăng ký cư trú nơi mình dự kiến tạm trú.
* Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ cho người đăng ký; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người đăng ký bổ sung hồ sơ.
* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về nơi tạm trú mới, thời hạn tạm trú của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký tạm trú; trường hợp từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**111. Gia đình ông B đón cháu ruột (8 tuổi) về ở cùng do bố mẹ cháu đã mất. Vậy, để đăng ký thường trú cho cháu cùng địa chỉ với vợ chồng ông B thì ông B cần chuẩn bị những giấy tờ gì?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú Công dân được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp không thuộc quyền sở hữu của mình khi được chủ hộ và chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đó đồng ý trong trường hợp Người chưa thành niên được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý hoặc không còn cha, mẹ về ở với cụ nội, cụ ngoại, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; người chưa thành niên về ở với người giám hộ.

Hồ sơ đăng ký thường trú đối với trường hợp này được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Cư trú, theo đó, hồ sơ đăng ký thường trú bao gồm:

- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân với chủ hộ, thành viên hộ gia đình, trừ trường hợp đã có thông tin thể hiện quan hệ này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh các điều kiện khác quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 của Luật này.

Tại điểm b, c, e [Điều 6 Nghị định 62/2021/NĐ-CP](https://lawnet.vn/vb/nghi-dinh-622021ndcp-huong-dan-luat-cu-tru-738ED.html) quy định giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân thuộc trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú, bao gồm:

“*b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh mối quan hệ cụ nội, cụ ngoại, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, người giám hộ: Quyết định cử người giám hộ; xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tại nơi cư trú về mối quan hệ nhân thân;*

*c) Giấy tờ, tài liệu chứng minh không còn cha, mẹ: Giấy chứng tử của cha, mẹ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha, mẹ mất tích, chết, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tại nơi cư trú về việc cha, mẹ đã chết;*

*e) Giấy tờ chứng minh người chưa thành niên gồm: Giấy khai sinh, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Sổ Bảo hiểm xã hội, Thẻ bảo hiểm y tế hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tại nơi cư trú về ngày, tháng, năm sinh*”.

Như vậy, ông B cần chuẩn bị:

- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp

- Quyết định cử người giám hộ; xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi cư trú về mối quan hệ nhân thân giữa ông B và cháu ruột ông.

- Giấy chứng tử hoặc xác nhận của UBND cấp xã tại nơi cư trú về việc cha, mẹ đã chết;

- Giấy khai sinh

**112. X hiện nay đang đăng ký thường trú tại xã K. X đã nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu 1 mảnh đất tổ cư tại xã Y, tuy nhiên chưa xây nhà. Nay X muốn đăng ký thường trú tại địa chỉ mảnh đất trên địa bàn xã Y có được hay không?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Cư trú công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú: Công dân khi đăng ký cư trú cần chứng minh chỗ ở hợp pháp bằng một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau:

- Giấy tờ, tài liệu chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc tài sản gắn liền với đất do cơ quan có thẩm quyền cấp (trong đó có thông tin về nhà ở);

- Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp công trình phải cấp giấy phép xây dựng và đã xây dựng xong);

- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

- Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán;

- Giấy tờ về mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận góp vốn, nhận đổi nhà ở phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở;

- Giấy tờ về giao tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, cấp nhà ở, đất ở cho cá nhân, hộ gia đình;

- Giấy tờ của Tòa án hoặc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho được sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

- Giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở nếu không có một trong các giấy tờ nêu trên;

- Giấy tờ của cơ quan, tổ chức do thủ trưởng cơ quan, tổ chức ký tên, đóng dấu chứng minh về việc được cấp, sử dụng nhà ở, chuyển nhượng nhà ở, có nhà ở tạo lập trên đất do cơ quan, tổ chức giao đất để làm nhà ở (đối với nhà ở, đất thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức).

Như vậy, trường hợp của X chỉ có đất, chưa xây dựng nhà thì không thể đăng ký thường trú được tại xã Y được. Bởi, hồ sơ đăng ký thường trú, người dân phải xuất trình giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp. Việc yêu cầu “chỗ ở hợp pháp” cho thấy địa chỉ đó phải ở được. Đồng thời, theo giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp nêu trên đều phải có thông tin về nhà ở.

*Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*

1. **Xin cho biết, pháp luật quy định như thế nào về người làm nghĩa vụ quốc tế?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì, *người làm nghĩa vụ quốc tế* là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở nước ngoài hoặc thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở nước ngoài theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo các mốc thời gian như sau:

a) Làm nghĩa vụ quốc tế ở Lào: thời gian từ tháng 5 năm 1975 đến 31 tháng 12 năm 1988.

b) Làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia: thời gian từ tháng 01 năm 1979 đến 31 tháng 8 năm 1989.

c) Làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở nước ngoài: thời gian từ tháng 5 năm 2014 trở về sau.

**114. Xin hỏi, điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 được quy định như thế nào?**

Tại Điều 4 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định, người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 là người được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Đã tham gia một tổ chức cách mạng hoặc đã thực sự hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

- Được kết nạp hoặc được kết nạp lại vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.

Việc công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) “Về chính sách, chế độ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm”, Thông tri số 07-TT/TC ngày 21 tháng 3 năm 1979 của Ban Tổ chức Trung ương “Hướng dẫn vận dụng tiêu chuẩn và xác nhận những đối tượng được hưởng chính sách, chế độ đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 19 tháng Tám năm 1945”.

**115. Theo thông tin ông Bùi Thanh H cung cấp thì, cụ bà Hoàng Thị B – mẹ đẻ ông H, có tham gia hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 nhưng hy sinh từ năm 1972. Nay ông H muốn đề nghị công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 cho cụ B. Vậy trường hợp này, căn cứ lập hồ sơ là gì?**

Vấn đề bạn nêu được quy định tại khoản 2 Điều 5Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Cụ thể, khoản 2 này quy định, người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30 tháng 6 năm 1999 trở về trước thì căn cứ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau:

a) Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 (gồm: Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý; Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III); Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.

b) Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

c) Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

Như vậy, căn cứ lập hồ sơ trong trường hợp của cụ B là một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng nêu trên.

**116. Xin hỏi, cơ quan nào có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945?**

Tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định về cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 như sau:

a. Người hoạt động cách mạng thuộc ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý thì Ban đảng, Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định. Nếu không có Ban cán sự đảng, Đảng đoàn thì Đảng ủy cấp trên (trực thuộc Trung ương) xem xét, quyết định.

Trường hợp người hoạt động cách mạng chỉ thuộc cấp ủy địa phương quản lý thì Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương nơi người đó hoạt động cách mạng trước năm 1945 xem xét, quyết định.

b. Người hoạt động cách mạng thuộc quân đội thì Tổng cục Chính trị xem xét, quyết định.

c. Người hoạt động cách mạng thuộc công an thì Ban thường vụ Đảng ủy công an Trung ương xem xét, quyết định.

**117.** **Đề nghị cho biết, hồ sơ, thủ công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điều 7 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Theo đó, hồ sơ, thủ tục công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi, gồm:

1. Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; cụ thể:

- Trường hợp người còn sống hoặc người đã hy sinh, từ trần sau ngày 30 tháng 6 năm 1999, là *bản sao được chứng thực* *từ* lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý; hoặc lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III); hoặc lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Trường hợp người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30 tháng 6 năm 1999 trở về trước, là *bản sao được chứng thực* *từ* lý lịch quy định nêu trên, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên; hoặc bản trích lục hồ sơ liệt sĩ; hoặc lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định nêu trên, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (*Xem thêm Câu 4*).

3. Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn quy trình công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 thuộc quân đội, công an.

**118. Xin hỏi, thời điểm hưởng chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945?**

Điều 8 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định về thời điểm hưởng chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 như sau:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 còn sống được hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng kể từ tháng ban hành quyết định công nhận.

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng được hưởng trợ cấp một lần kể từ tháng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

**119. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Đã tham gia tổ chức cách mạng, lực lượng vũ trang từ cấp huyện hoặc tương đương trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa của từng địa phương và sau đó tiếp tục tham gia một trong hai cuộc kháng chiến;

b) Đã hoạt động ở cơ sở trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa của từng địa phương sau đó tiếp tục tham gia một trong hai cuộc kháng chiến và khi hoạt động ở cơ sở trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa của địa phương là Bí thư, Chủ tịch, Chủ nhiệm Việt Minh, Bí thư Nông dân cứu quốc, Bí thư Thanh niên cứu quốc, Bí thư Phụ nữ cứu quốc cấp xã hoặc tương đương; đội trưởng, tổ trưởng, nhóm trưởng của đội, tổ, nhóm tự vệ chiến đấu, tuyên truyền giải phóng, thanh niên cứu quốc, nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, thiếu nhi cứu quốc ở địa phương chưa hình thành tổ chức quần chúng cách mạng cấp xã; người được kết nạp vào tổ chức Việt Minh sau đó được giao nhiệm vụ ở lại địa phương hoạt động phát triển cơ sở cách mạng; người tham gia hoạt động cách mạng tháng Tám năm 1945 và sau ngày khởi nghĩa đến ngày 31 tháng 8 năm 1945 giữ một trong các chức vụ ngươi đứng đầu quy định tại điểm này hoặc tham gia tổ chức cách mạng, lực lượng vũ trang từ cấp huyện hoặc tương đương trở lên;

c) Người hoạt động cách mạng quy định tại điểm a và điểm b nêu trên không tiếp tục tham gia một trong hai cuộc kháng chiến do yêu cầu giảm chính, phục viên hoặc không đủ sức khỏe.

Người đã được công nhận là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 thì không xem xét công nhận là người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Ngoài ra, pháp luật cũng quy định cụ thể về danh mục ngày khởi nghĩa tại các địa phương để tính làm căn cứ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày khởi nghĩa** | **Tên địa phương** |
| 14/8/1945 | Quảng Ngãi |
| 18/8/1945 | Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam |
| 19/8/1945 | Hà Nội, Thái Bình, Phúc Yên, Khánh Hòa |
| 20/8/1945 | Thanh Hóa, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thái Nguyên, Sơn Tây |
| 21/8/1945 | Yên Bái, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Nam Định, Nghệ An, Ninh Thuận, Tân An |
| 22/8/1945 | Cao Bằng, Hưng Yên, Kiến An |
| 23/8/1945 | Hải Phòng, Hà Đông, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Lâm Viên, Gia Lai, Bạc Liêu, Thừa Thiên - Huế |
| 24/8/1945 | Hà Nam, Đắk Lắk, Buôn Mê Thuật, Phú Yên, Gò Công, Mỹ Tho, Sài Gòn |
| 25/8/1945 | Lạng Sơn, Phú Thọ, Kon Tum, Bình Thuận, Chợ Lớn, Gia đình, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Sóc Trăng, Long Xuyên, Vĩnh Long, Bà Rịa, Trà Vinh, Tây Ninh, Bến Tre, Sa Đéc |
| 26/8/1945 | Sơn La, Châu Đốc, Cần Thơ, Quảng Ninh (Hòn Gai) |
| 27/8/1945 | Rạch Giá |
| 28/8/1945 | Đồng Nai Thượng, Hà Tiên |
| 31/8/1945 | Vĩnh Yên |

 Các tỉnh và địa phương còn lại thống nhất lấy ngày 19 tháng 8 năm 1945 để làm căn cứ.

**120. Đề nghị làm rõ tiêu chuẩn “Đặc biệt dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội, là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng gồm những yếu tố nào?**

Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định (Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) xem xét công nhận liệt sĩ đối với trường hợp **“**Đặc biệt dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội, là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội” gồm các yếu tố sau:

a) Nhận thức được đầy đủ sự nguy hiểm và tính cấp bách của sự việc.

b) Chủ động thực hiện hành vi đặc biệt dũng cảm, chấp nhận hy sinh bản thân.

c) Bảo vệ lợi ích quan trọng của Nhà nước, tính mạng và lợi ích hợp pháp của Nhân dân hoặc để ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

d) Là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội, được tặng thưởng Huân chương và được cơ quan quản lý nhà nước về người có công tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước.

**121. Đề nghị cho biết quy định của pháp luật về trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ?**

Điều 15 Nghị định số 131/2021/NĐ-CPquy địnhtrách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ như sau:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phát hiện hoặc lưu trữ các thông tin, tài liệu liên quan đến người hy sinh chưa được công nhận liệt sĩ có trách nhiệm cung cấp tới cơ quan, tổ chức, đơn vị trên làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ.

**122. Đề nghị cho biết cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh?**

Điều 16Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cá nhân tại thời điểm hy sinh có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh như sau:

- Người hy sinh là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng do thủ trưởng trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên cấp giấy chứng nhận; người hy sinh là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ban trở lên cấp giấy chứng nhận.

- Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách thuộc công an do thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận.

- Người hy sinh thuộc cơ quan trung ương do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương cấp giấy chứng nhận.

- Người hy sinh thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận.

- Người hy sinh thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã và các trường hợp không thuộc quy định trên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận.

**123. Đề nghị cho biết căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh cho trường hợp chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia được quy định như thế nào?**

Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh đối với trường hợp hy sinh khi chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia thì việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở giấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị sau:

a) Người hy sinh là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng do thủ trưởng cấp tiểu đoàn và tương đương cấp; người hy sinh là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban cấp.

b) Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách trong công an do thủ trưởng công an cấp huyện hoặc tương đương cấp.

c) Người hy sinh thuộc các cơ quan trung ương do thủ trưởng cấp vụ hoặc cấp tương đương cấp.

d) Người hy sinh không thuộc quy định trên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

**124. Đề nghị cho biết hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ đối với người không thuộc quân đội, công an quản lý được quy định như thế nào?**

Điều 18 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ, thủ tục công nhận liệt sĩ đối với người khi hy sinh không thuộc quân đội, công an quản lý như sau:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh có trách nhiệm xác lập, hoàn thiện các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại các khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định này trong thời gian 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo Mẫu số 34 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; có văn bản kèm theo các giấy tờ quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định này trong thời gian 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh; có văn bản kèm theo các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra và gửi văn bản kèm theo các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định.

***\* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm***

- Trong thời gian 40 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm thẩm định, lập tờ trình và danh sách kèm theo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

- Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng, có trách nhiệm in, chuyển Văn phòng Chính phủ đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công” và chuyển hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan đề nghị thẩm định để chuyển về cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

***\* Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:***

- Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ) và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, trao Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trường hợp không còn thân nhân thì tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, bàn giao Bằng “Tổ quốc ghi công” về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh.

- Bàn giao hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp Bằng về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ.

**125. Đề nghị cho biết hồ sơ, thủ tục tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được quy định như thế nào?**

Điều 19 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ, thủ tục tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng như sau:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh, bị thương trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và bản sao quyết định tặng thưởng Huân chương, có văn bản đề nghị kèm các giấy tờ nêu trên gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận hy sinh hoặc cấp giấy chứng nhận bị thương.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước và chuyển quyết định về cơ quan đề nghị.

**126. Đề nghị cho biết hồ sơ, thủ tục công nhận liệt sĩ đối với trường hợp** **hi sinh do vết thương tái phát là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên, có bệnh án điều trị yết thương tái phát của bệnh viện tuyến huyện trở lên và biên bản kiểm thảo tử vong (Điểm l khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng) đang sống tại gia đình được quy định như thế nào?**

Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ, thủ tục công nhận liệt sĩ đối với trường hợp quy định tại điểm l khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đang sống tại gia đình như sau:

a) Đại diện thân nhân có đơn đề nghị kèm giấy tờ quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương binh, người hưởng chính sách như thương binh thường trú trước khi chết.

Trường hợp không còn thân nhân thì cá nhân có đơn kèm giấy tờ quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương binh, người hưởng chính sách như thương binh thường trú trước khi chết.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm xác nhận đơn đề nghị, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có văn bản đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để cấp giấy chứng nhận hy sinh. Trong thời gian 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận bản trích lục hồ thương binh, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Cấp bản trích lục hồ sơ thương binh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, có văn bản đề nghị kèm hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ và cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh thực hiện theo trách nhiệm quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 18 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

**127. Xin hỏi, hồ sơ công nhận và hưởng chế độ ưu đãi để cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại****Điều 14 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận là liệt sĩ)****nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 dựa trên căn cứ nào?**

Theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, căn cứ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”:

Hồ sơ công nhận và hưởng chế độ ưu đãi được xác lập đủ và đúng quy định tại từng thời điểm hiện đang lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kèm danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần có ký nhận của người hưởng trợ cấp.

**128. Trước đây, ông B nhập ngũ, chiến đấu hy sinh tại chiến trường Tây Nam. Gia đình con trai ông B đã được hưởng chế độ từ năm 1985 nhưng đến nay ông B chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”. Nay, con trai ông B muốn hỏi rõ hơn về điều kiện cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định về cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

- Điều kiện cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”:

+ Người hy sinh đã được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn*”* của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh chưa được đổi thành Bằng “Tổ quốc ghi công” do Thủ tướng Chính phủ cấp.

+ Thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

- Căn cứ để cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

+ Bản gốc Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh.

+ Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

**129. Do thay đổi công việc nên gia đình chị C phải chuyển nhà từ quê ra thành phố. Trong quá trình chuyển nhà, một số hồ sơ, giấy tờ của gia đình chị C bị mất trong đó có Bằng “Tổ quốc ghi công” của bố chồng chị C. Xin hỏi, gia đình chị C có thể xin cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” hay không? Hồ sơ, thủ tục xin cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo Điều 24 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, về việc cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp sau: bị mất; bị thiếu thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại.

Về hồ sơ, thủ tục cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” được quy định:

- Đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định só 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú (kèm theo bằng cũ nếu còn).

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm lập và gửi danh sách kèm các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định này đối với những trường hợp đủ điều kiện và có đầy đủ thông tin ghi theo giấy báo tử của liệt sĩ kèm văn bản đề nghị gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp lại, gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

**130. Xin hỏi, Bằng “Tổ quốc ghi công” sẽ bị thu hồi trong những trường hợp như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP về thu hồi Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp sau:

- Công nhận liệt sĩ không đúng quy định theo kết luận của thanh tra.

- Người được công nhận liệt sĩ vẫn còn sống sau ngày cấp bằng.

- Bằng “Tổ quốc ghi công” đã cấp trùng.

**131. Xin hỏi để giải quyết chế độ hỗ trợ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ thì cần những giấy tờ nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ như sau:

Cá nhân lập bản khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú theo Mẫu số 05 Phụ lục I  Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ kèm bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công” và một trong các giấy tờ sau:

- Trường hợp thân nhân là người có công nuôi liệt sĩ phải có văn bản đồng thuận của các thân nhân liệt sĩ; trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì phải có văn bản đồng thuận của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Văn bản đồng thuận do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về chữ ký, nơi thường trú và nội dung đồng thuận.

Người có công nuôi liệt sĩ phải là người đủ 16 tuổi trở lên và có khả năng lao động hoặc kinh tế để nuôi liệt sĩ.

- Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi phải có thêm bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh.

- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học.

- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, giấy xác nhận thu nhập theo Mẫu số 47 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**132. Pháp luật quy định về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác như sau:

Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 17 Phụ lục I  Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú kèm một trong các giấy tờ sau:

- Ý kiến đồng thuận bằng văn bản của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành.

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống và biên bản họp đồng thuận có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản theo Mẫu số 80 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại), trường hợp những người này không còn thì của những người thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (hàng thừa kế thứ ba) đối với trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống. Trường hợp không đủ thành viên dự họp thì phải có ý kiến đồng thuận của người vắng mặt bằng văn bản, có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống phải kèm theo bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ chứng minh được lý do là vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng.

**133. Vào chiều ngày 1/10, Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh D nhận được tin báo xảy ra vụ cháy tại quán karaoke số 23 đường X, quận Y. 5 xe chữa cháy, cùng hơn 60 cán bộ chiến sĩ đã được điều động đến hiện trường.**

**Với tinh thần dũng cảm, không quản ngại khó khăn nguy hiểm, 2 cán bộ, chiến sĩ Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy quận Y đã triển khai tổ chức chữa cháy và hướng dẫn đưa gần 10 người ra ngoài an toàn; đồng thời, tiếp tục quay lại tìm kiếm cứu nạn cứu hộ. Tuy nhiên, khi 02 chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy chữa cháy lên tới tầng 4 thì các vật liệu làm trần giả, vật liệu trang trí bên trong nhà sập xuống cầu thang bộ làm 02 cán bộ chiến sĩ hy sinh. Sau đó, các chiến sĩ này đã được Nhà nước công nhận liệt sĩ. Xin hỏi, hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ được pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ như sau:

- Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh thì cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm văn bản ủy quyền của những người theo quy định tại điểm a, b, c khoản 6 Điều 28 và bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công” gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ, có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách gửi các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ của liệt sĩ đang quản lý, ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo Mẫu số 55 Phụ lục I Nghị định này. Quyết định này được thực hiện liên tục nếu không có sự thay đổi về người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc về mức trợ cấp. Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng năm kể từ năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định.

Trường hợp hồ sơ gốc của liệt sĩ do địa phương khác quản lý thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị nơi quản lý hồ sơ thực hiện di chuyển hồ sơ liệt sĩ kèm văn bản xác nhận chưa được giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

- Trường hợp người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ chết hoặc không có điều kiện tiếp tục thờ cúng liệt sĩ thì cá nhân khác được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ thực hiện thủ tục theo quy định nêu trên, trợ cấp thờ cúng được thực hiện kể từ năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định.

Trường hợp người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ chết trong năm nhưng trước thời điểm chi trả trợ cấp thì trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của năm đó được chi trả cho người hưởng trợ cấp thờ cúng khác.

- Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ hoặc cơ quan, đơn vị được giao thờ cúng liệt sĩ xác định như sau:

+ Trường hợp liệt sĩ còn thân nhân thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được các thân nhân liệt sĩ ủy quyền bằng văn bản đảm nhiệm việc thờ cúng liệt sĩ và nhận trợ cấp theo quy định của Pháp lệnh.

+ Trường hợp thân nhân liệt sĩ chỉ còn con, nếu liệt sĩ có nhiều con thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được những người con còn lại ủy quyền; nếu liệt sĩ chỉ có một con hoặc chỉ còn một con còn sống thì không phải làm văn bản ủy quyền.

Trường hợp con liệt sĩ giao người khác thực hiện thờ cúng liệt sĩ thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được con liệt sĩ thống nhất ủy quyền.

+ Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân hoặc chỉ còn một thân nhân duy nhất nhưng người đó bị hạn chế năng lực hành vi, mất năng lực hành vi, cư trú ở nước ngoài hoặc không xác định được nơi cư trú thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là người được những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự ủy quyền (Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại). Trường hợp những người này không còn thì được những người thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (hàng thứ kế thứ ba) ủy quyền.

- Trường hợp không xác định được người ủy quyền thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo Mẫu số 55 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ cư trú trước khi tham gia hoạt động cách mạng. Nếu không xác định được xã nơi liệt sĩ cư trú trước khi tham gia hoạt động cách mạng thì giao cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh để thực hiện nghi thức dâng hương liệt sĩ theo phong tục địa phương.

**134.** **Đề nghị cho biết, hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với bà mẹ Việt Nam anh hùng được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 30 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì:

- Hồ sơ gồm:

+ Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định này;

+ Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

+ Trường hợp “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

* Nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.
* Thủ tục như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản khai của cá nhân có trách nhiệm xác nhận bản khai kèm theo các giấy tờ nêu trên gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 07 ngày làm việc có trách nhiệm lập danh sách giấy tờ theo quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp, phụ cấp.

**135. Xin hỏi, Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì sau đó thân nhân có được hưởng chế độ gì không?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần từ tháng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo mức quy định tại thời điểm Chủ tịch nước ký quyết định.

**136. Đề nghị cho biết hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng về hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến thì:

- Hồ sơ gồm:

+ Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định này;

+ Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú; trường hợp đang phục vụ trong quân đội, công an thì gửi cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý.

Trường hợp được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

- Thủ tục như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xác nhận bản khai, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kèm giấy tờ quy định.

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 07 ngày làm việc có trách nhiệm lập danh sách giấy tờ theo quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn quy trình thực hiện chế độ ưu đãi đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đang công tác trong quân đội, công an. Thời gian xem xét, giải quyết không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được bản khai.

**137. Xin hỏi, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì nhân thân có được hưởng chế độ gì không?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần từ tháng cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo mức quy định tại thời điểm Chủ tịch nước ký quyết định.

**138. Đề nghị cho biết, điều kiện, tiêu chuẩn công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh?**

Điều 23 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020 quy định điều kiện, tiêu chuẩn thương binh, người hưởng chính sách như thương binh như sau:

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân và sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Công an nhân dân bị thương có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên thì được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét công nhận là thương binh, cấp “Giấy chứng nhận thương binh” và “Huy hiệu thương binh” khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia;

b) Làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp với vùng địch chiếm đóng;

c) Trực tiếp đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận có tổ chức với địch;

d) Bị địch bắt, tra tấn vẫn không chịu khuất phục, kiên quyết đấu tranh mà để lại thương tích thực thể;

đ) Làm nghĩa vụ quốc tế;

e) Dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ quốc phòng, an ninh;

g) Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm;

h) Do tai nạn khi đang trực tiếp làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo có điều kiện đặc biệt khó khăn theo danh mục do Chính phủ quy định;

i) Trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm;

k) Đặc biệt dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội, là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội.

2. Người không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân và sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Công an nhân dân bị thương có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét công nhận là người hưởng chính sách như thương binh và cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh”.

3. Thương binh loại B là quân nhân, công an nhân dân bị thương có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên trong khi tập luyện, công tác đã được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993.

4. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có vết thương đặc biệt tái phát, vết thương còn sót, vết thương bổ sung được khám và giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể theo quy định của Chính phủ.

Thương binh loại B quy định tại khoản 3 Điều này có vết thương còn sót, vết thương bổ sung được khám để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể theo quy định của Chính phủ.

Đồng thời, Điều 34 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạngquy địnhđiều kiện, tiêu chuẩn công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh gồm:

- Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.

- Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định này.

- Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định như sau:

+ Nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập có tính chất nguy hiểm trong các trường hợp sau: bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai; trong huấn luyện chiến đấu, diễn tập của lực lượng: không quân, hải quân, kiểm ngư, cảnh sát biển, đặc công, trinh sát đặc nhiệm, cảnh sát cơ động, đặc nhiệm.

+ Làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm khi: chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai; thực hiện nhiệm vụ của kiểm ngư, cảnh sát biển; tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; rà phá, xử lý, tiêu hủy bom mìn, vật liệu nổ; nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, thử nghiệm, bảo quản, vận chuyển thuốc phóng, thuốc nổ, vũ khí, đạn dược; xây dựng công trình ngầm quốc phòng, an ninh.

- Địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo có điều kiện đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh (sau đây gọi là địa bàn đặc biệt khó khăn) là địa bàn có điều kiện tự nhiên hiểm trở, khắc nghiệt, khó khăn để xảy ra tai nạn, bao gồm các địa bàn theo Phụ lục IV Nghị định này.

- Trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh là trực tiếp thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giao nhằm điều tra, phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ đối tượng phạm tội hoặc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự.

- Xem xét công nhận thương binh theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh bao gồm các yếu tố sau:

+ Nhận thức được đầy đủ sự nguy hiểm và tính cấp bách của sự việc.

+ Chủ động thực hiện hành vi đặc biệt dũng cảm, chấp nhận hy sinh bản thân.

+ Bảo vệ lợi ích quan trọng của Nhà nước, tính mạng và lợi ích hợp pháp của Nhân dân hoặc để ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

+ Là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội, được tặng thưởng Huân chương và được cơ quan quản lý nhà nước về người có công tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước.

- Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh.

**139. Đề nghị cho biết, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương được quy định như thế nào?**

Điều 36 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạngquy địnhcơ quan, đơn vị quản lý cá nhân tại thời điểm bị thương có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương như sau:

- Người khi bị thương là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng do thủ trưởng trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên; người bị thương là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị trực thuộc ban trở lên.

- Người khi bị thương là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách thuộc công an do thủ trưởng đơn vị trực thuộc bộ hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh.

- Người khi bị thương thuộc cơ quan trung ương do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương.

- Người khi bị thương thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Người khi bị thương thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã; thuộc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các trường hợp không thuộc quy định nêu trên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**140. Anh trai tôi trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập dẫn đến bị thương cơ thể 25%. Xin hỏi, các giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương để có căn cứ đề nghị cấp “Giấy chứng nhận thương binh” đối với trường hợp của anh trai tôi được quy định như thế nào?**

Khoản 2 Điều 37 Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng người bị thương quy định tại khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) kèm một trong các giấy tờ sau:

“2. Trường hợp bị thương quy định tại điểm đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh thì phải có các giấy tờ theo quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 17 Nghị định này”[[1]](#footnote-1).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 17Nghị định 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2022 thì “4. Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải trên cơ sở văn bản giao làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm kèm biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập”.

Như vậy, đối với trường hợp của anh trai bạn thì các giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương gồm:

- Bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an);

- Văn bản giao làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập;

- Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập.

1. g) Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm; [↑](#footnote-ref-1)